

# CHƯƠNG 2

## KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT





# NỘI DUNG CHÍNH

1. Khái quát về Pháp luật
2. Quy phạm pháp luật
3. Kiểu pháp luật và hình thức pháp luật
4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

# 1.1 Nguồn gốc của pháp luật

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin:

- Pháp luật là một hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội có giai cấp, pháp luật chỉ phát sinh, tồn tại và phát triển khi xã hội phát triển đến một trình độ nhất định tạo ra các cơ sở và điều kiện khách quan cho sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của pháp luật.
- Cơ sở và điều kiện khách quan:
  - Về kinh tế: tồn tại chế độ tư hữu
  - Về xã hội: xuất hiện giai cấp và mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được.
- Như vậy: có thể nói rằng những nguyên nhân làm xuất hiện Nhà nước cũng chính là những nguyên nhân làm xuất hiện pháp luật.

# 1.2 Bản chất của pháp luật

## 1.2.1 Tính giai cấp

- Nội dung của pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp thống trị.
- Pháp luật được hình thành do điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp thống trị quyết định.

# 1.2 Bản chất của pháp luật

## 1.2.2 Tính xã hội

- Pháp luật còn thể hiện ý chí và lợi ích của các tầng lớp, giai cấp khác trong xã hội .
- Pháp luật có khả năng tạo ra sự công bằng và bình đẳng cho tất cả các chủ thể pháp luật trong cùng điều kiện, hoàn cảnh .

# 1.3 Đặc điểm của pháp luật

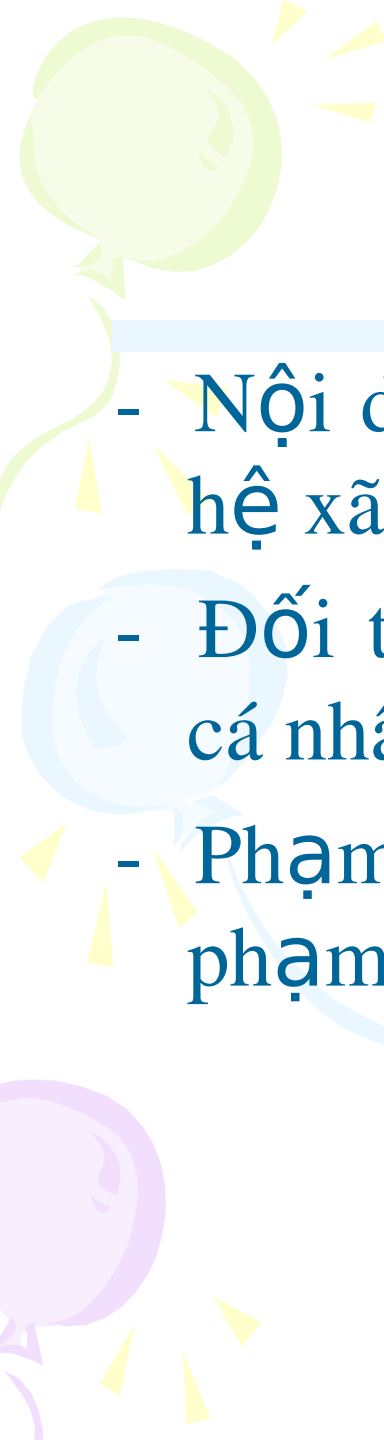
*a/ Pháp luật là sự thể hiện ý chí của giai cấp thống trị.*

- Pháp luật chỉ phát sinh, tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp.

- Pháp luật bao giờ cũng là hiện tượng ý chí, không phải là kết quả của sự tự phát hay cảm tính.

## *b/ Tính quy phạm phổ biến và bắt buộc chung.*

- Pháp luật có tính quy phạm:
  - > khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi
  - > giới hạn.
- Tính quy phạm phổ biến
  - > Tất cả các cá nhân, tổ chức trong những điều kiện, hoàn cảnh pháp luật đã quy định
  - > Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản, phổ biến và điển hình.
- Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung

- 
- Nội dung của pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản, phổ biến và điển hình.
  - Đối tượng điều chỉnh của pháp luật là mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội.
  - Phạm vi điều chỉnh thường có hiệu lực trên phạm vi cả nước.



## *c/ Pháp luật do nhà nước đặt ra và được nhà nước bảo vệ (Tính đảm bảo bằng Nhà nước)*

- Pháp luật do Nhà nước đặt ra
- Tính đảm bảo bằng Nhà nước
  - + Nhà nước phải bảo đảm tính hợp lý của nội dung các quy phạm pháp luật
  - + Nhà nước bảo đảm cho pháp luật được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau, như
    - > Về kinh tế
    - > Về tư tưởng
    - > Về phương diện tổ chức
    - > Bằng biện pháp cưỡng chế

# ***d/ Pháp luật mang tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức***

- Nội dung của pháp luật phải được thể hiện bằng những hình thức xác định
- Nội dung của pháp luật phải được diễn đạt bằng ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác, một nghĩa và có khả năng áp dụng trực tiếp
- Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức còn được thể hiện ở phương thức hình thành pháp luật.



# Định nghĩa

“ Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội và phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội.”

## 1.4 Quan hệ giữa pháp luật với những hiện tượng xã hội khác

### *a/ Quan hệ giữa pháp luật và kinh tế:*

*\* Pháp luật phụ thuộc vào kinh tế:*

- Thứ nhất, cơ cấu nền kinh tế, hệ thống kinh tế quyết định thành phần cơ cấu hệ thống các ngành luật
- Thứ hai, tính chất, nội dung của các quan hệ kinh tế, của cơ chế kinh tế quyết định tính chất, nội dung các quan hệ pháp luật, tính chất phương pháp điều chỉnh của pháp luật
- Thứ ba, chế độ kinh tế, thành phần kinh tế tác động quyết định tới sự hình thành, tồn tại các cơ quan, tổ chức và thể chế pháp lý, phương thức hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật và các thủ tục pháp lý

## 1.4 Quan hệ giữa pháp luật với những hiện tượng xã hội khác

*a/ Quan hệ giữa pháp luật và kinh tế:*

*\* Sự tác động trở lại của pháp luật đối với kinh tế:*

- Tác động tích cực: kinh tế phát triển
- Tác động tiêu cực; kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế



*b/ Quan hệ giữa pháp luật và chính trị*

*c/ Quan hệ giữa pháp luật và Nhà nước.*

*d/ Quan hệ giữa pháp luật với các quy phạm xã hội khác*

- Một số quy phạm pháp luật bắt nguồn từ các quy phạm xã hội
- **Pháp luật thể chế hóa nhiều quy phạm đạo đức, tập quán, chính trị... thành quy phạm pháp luật**





## 2. Quy phạm pháp luật

### 2.1. Khái niệm quy phạm pháp luật

Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh quan hệ xã hội theo những hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định.

## 2.2 Câu trúc của Quy phạm pháp luật

### 2.2.1 Giả định (1)

Giả định là bộ phận của quy phạm pháp luật nêu lên phạm vi tác động của quy phạm pháp luật, tức là trong đó nêu rõ những hoàn cảnh, điều kiện có thể xảy ra trong cuộc sống và các cá nhân, tổ chức nào ở vào hoàn cảnh điều kiện đó phải chịu sự chi phối của quy phạm pháp luật đó.

## 2.2.1 Giả định (2)

- Nội dung của bộ phận giả định của quy phạm pháp luật thường đề cập đến chủ thể, phạm vi thời gian, không gian, những trường hợp, hoàn cảnh, điều kiện nhất định của đời sống xã hội...
- Phần giả định giúp ta trả lời được câu hỏi:
  - > Ai (tổ chức hay cá nhân nào)?
  - > Khi nào?
  - > Trong hoàn cảnh, điều kiện nào?

## 2.2.2 Quy định (1)

Quy định là bộ phận của quy phạm pháp luật, trong đó nêu lên cách xử sự mà chủ thể khi ở vào hoàn cảnh, điều kiện đã xác định trong bộ phận giả định của quy phạm pháp luật, **được phép, không được phép hoặc buộc phải thực hiện.**

Bộ phận quy định của quy phạm pháp luật thường trả lời cho những câu hỏi như: **được làm gì? Không được làm gì? Phải làm gì? Làm như thế nào?**



## 2.2.2 Quy định (2)

Bộ phận quy định của quy phạm pháp luật thường trả lời cho những câu hỏi như:

- > Được làm gì?
- > Không được làm gì?
- > Phải làm gì? Làm như thế nào?

## 2.2.2 Quy định (3)

- Quy định trực tiếp thể hiện ý chí và lợi ích của nhà nước, xã hội và của các tổ chức, cá nhân khi xảy ra những tình huống đã được nêu trong phần giả định của quy phạm.
- Quy định thường được nêu ở dạng mệnh lệnh, như: cấm, không được, phải, thì, có...

## 2.2.3 Chế tài (1)

- Chế tài là bộ phận của quy phạm pháp luật nêu lên những biện pháp tác động mà nhà nước dự kiến sẽ áp dụng đối với chủ thể đã không thực hiện đúng bộ phận quy định của quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh.
- Bộ phận chế tài trả lời cho câu hỏi: hậu quả như thế nào nếu không thực hiện đúng bộ phận quy định của pháp luật?

## 2.2.3. Chế tài (2)

*Phân tích:*

- + Những biện pháp tác động mà nhà nước dự kiến áp dụng đối với chủ thể không chấp hành đúng yêu cầu của bộ phận quy định, phần lớn các biện pháp tác động này mang tính cưỡng chế và gây ra hậu quả bất lợi đối với chủ thể vi phạm pháp luật.
- + Những biện pháp chế tài này thể hiện dưới các hình thức, như: hình phạt, khôi phục trạng thái trước đây, phục hồi lại trật tự pháp luật, không công nhận tính chất pháp lý các quan hệ mới phát sinh.





## 2.2.3. Chế tài (3)

- *Phân loại*: Căn cứ vào tính chất của các biện pháp tác động và các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp đó:
  - > Chế tài hình sự (còn gọi là hình phạt) là những biện pháp tác động trong lĩnh vực hình sự.

## 2.2.3. Chế tài (4)

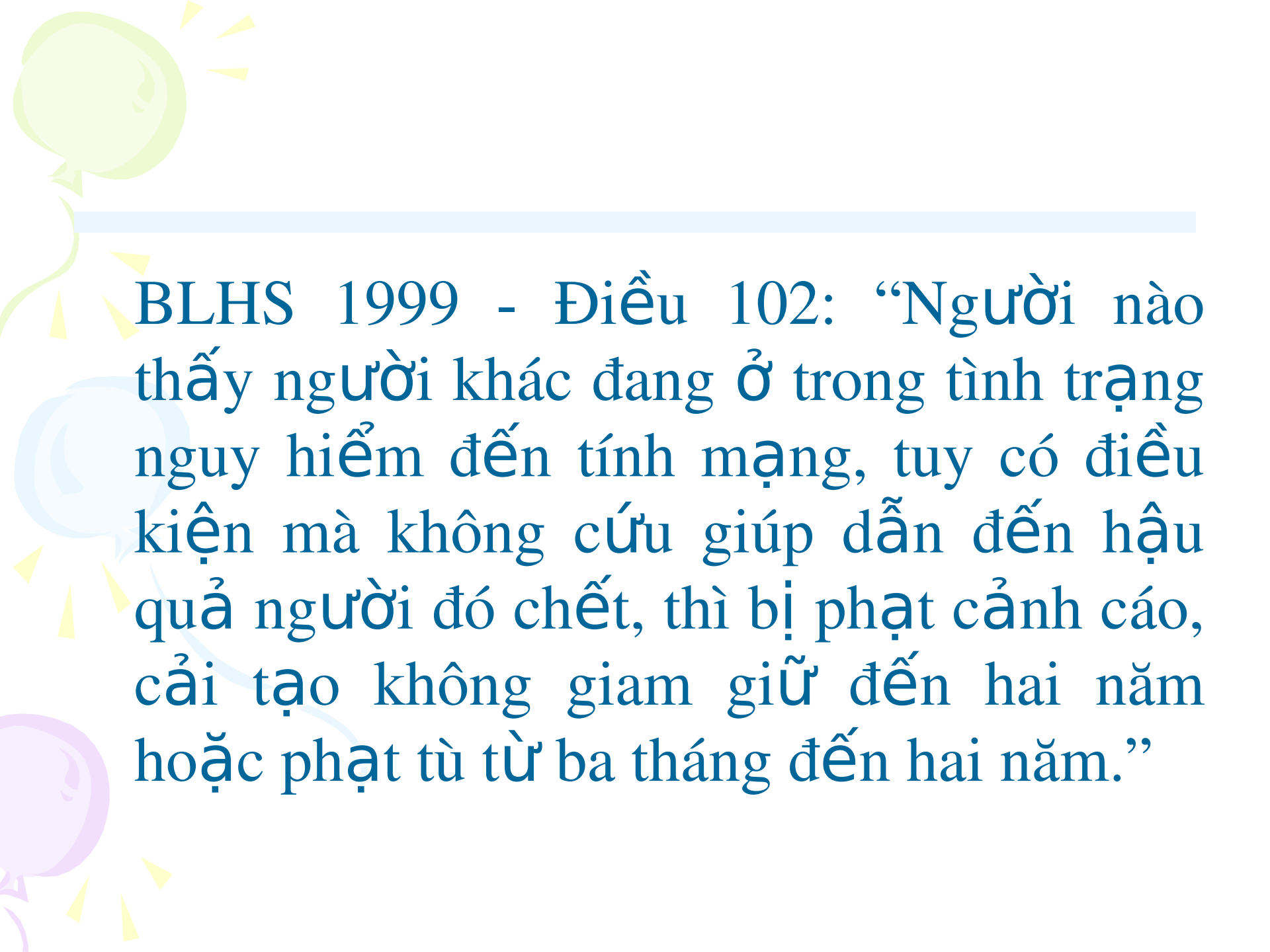
- > *Chế tài hành chính* (còn gọi là phạt hành chính) là biện pháp tác động trong lĩnh vực hành chính.
- Đây là chế tài do cơ quan quản lý nhà nước hay nhà chức trách có thẩm quyền áp dụng đối với các chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật hành chính.
- Chế tài hành chính bao gồm các phạt chính (cảnh cáo, phạt tiền) và các hình thức phạt bổ sung (tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính); bên cạnh đó còn có biện pháp hành chính khác (buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo gỡ công trình xây dựng trái phép; buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường...)

## 2.2.3. Chế tài (5)

-> *Chế tài kỷ luật*: là biện pháp tác động trong lĩnh vực lao động, do người sử dụng lao động áp dụng cho người lao động thuộc quyền quản lý của mình vi phạm kỷ luật lao động. Biện pháp tác động này bao gồm: khiển trách, chuyển làm công tác khác có mức lương thấp hơn trong thời hạn tối đa là sáu tháng, sa thải...

## 2.2.3. Chế tài

-> *Chế tài dân sự* là biện pháp tác động trong lĩnh vực dân sự, nhằm tác động đến tài sản hay nhân thân của một bên có hành vi vi phạm pháp luật dân sự gây thiệt hại cho một bên khác với các hình thức cụ thể như: bồi thường thiệt hại, trả lại tài sản bị xâm phạm, hủy bỏ một xử sự không đúng...



BLHS 1999 - Điều 102: “Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.”

### 3. Hình thức pháp luật

Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành pháp luật. Hiểu cách đơn giản thì hình thức pháp luật chính là những biểu hiện ra bên ngoài của pháp luật, là phương thức, dạng tồn tại thực tế của pháp luật



## *a/ Tập quán pháp*

Định nghĩa: Tập quán pháp là hình thức pháp luật mà Nhà nước thừa nhận một số tập quán đã lưu truyền trong xã hội, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị, nâng chúng thành những quy tắc xử sự chung được Nhà nước bảo đảm thực hiện.

## **b/ Tiền lệ pháp**

- Định nghĩa: Tiền lệ pháp là hình thức pháp luật mà Nhà nước thừa nhận các quyết định của cơ quan hành chính hoặc xét xử giải quyết những vụ việc cụ thể để áp dụng đối với các vụ việc tương tự. Hình thức này đã được sử dụng trong các nhà nước chủ nô, được sử dụng rộng rãi trong các nhà nước phong kiến và hiện nay, hình thức này vẫn còn chiếm vị trí quan trọng trong pháp luật tư sản, nhất là ở Anh, Mỹ



## **c/ Văn bản quy phạm pháp luật**

- Định nghĩa: Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, trong đó quy định những quy tắc xử sự chung, được áp dụng nhiều lần trong cuộc sống và được Nhà nước bảo đảm thực hiện. Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp luật tiến bộ nhất.

## 4. HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Văn bản quy phạm  
pháp luật là gì?  
Làm sao để phân biệt  
các loại văn bản với  
nhau?



## 4.1 Khái niệm và đặc điểm VBQPPL

“Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do cơ quan nhà nước ban hành hoặc phối hợp ban hành theo thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục được quy định trong Luật ban hành VBQPPL năm 2008 hoặc trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, trong đó có quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội.”



# Đặc điểm của VBQPPL:

- *Thứ nhất:* VBQPPL là văn bản do cơ quan nhà nước ban hành hoặc phối hợp ban hành theo thẩm quyền
- *Thứ hai:* VBQPPL là văn bản có chứa đựng quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung đối với mọi chủ thể pháp luật mà nó điều chỉnh
- *Thứ ba:* VBQPPL được áp dụng nhiều lần trong đời sống, được áp dụng trong mọi trường hợp khi có sự kiện pháp lý xảy ra. Và nó chỉ hết hiệu lực khi bị thay thế, bãi bỏ, hết hiệu lực theo quy định của pháp luật.
- *Thứ tư:* tên gọi, nội dung và trình tự ban hành các loại VBQPPL luôn phải tuân thủ những quy định chặt chẽ của pháp luật.

## 4.2 Các nguyên tắc ban hành VBQPPL

1. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.
2. Tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
3. Bảo đảm tính công khai trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trừ trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước; bảo đảm tính minh bạch trong các quy định của văn bản quy phạm pháp luật.
4. Bảo đảm tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật.
5. Không làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành

Một rừng văn bản, làm sao để nhận biết  
văn bản quy phạm pháp luật bây giờ ???

- Hiến pháp
- Luật
- Nghị định
- Thông tư
- Thông báo...



## 4.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (1)

1. Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.
2. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
3. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
4. Nghị định của Chính phủ.
5. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
6. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
7. Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

## 4.3 Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (2)

8. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
9. Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.
10. Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội.
11. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
12. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.



## 4.3.1. Văn bản luật

- Văn bản luật là văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội – cơ quan quyền lực NN cao nhất ban hành. Các văn bản quy phạm pháp luật khác khi ban hành không được trái với văn bản luật.

## - Văn bản luật bao gồm:

- Hiến pháp,
- Luật (Bộ luật),
- Nghị quyết của QH



# Hiến pháp

Hiến pháp là đạo luật cơ bản của NN, có giá trị pháp lý cao nhất, quy định những vấn đề cơ bản nhất của NN như: hình thức và bản chất của NN, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, hệ thống tổ chức, nguyên tắc hoạt động và thẩm quyền của các cơ quan Nhà nước.

# Luật (bộ luật)

- Luật (bộ luật) là văn bản quy phạm pháp luật do QH ban hành nhằm để cụ thể hóa Hiến pháp, điều chỉnh các loại quan hệ xã hội trong các lĩnh vực đời sống Nhà nước và xã hội, có giá trị pháp lý sau Hiến pháp.
- Luật của Quốc hội quy định các vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, quyền và nghĩa vụ của công dân.



# Ví dụ về Luật và Bộ luật:

- Bộ luật Hình sự,

Bộ luật tố tụng hình sự,

Bộ luật lao động,

Bộ luật dân sự,

Bộ luật tố tụng dân sự,

Bộ luật hàng hải

- Luật doanh nghiệp,

Luật Thương mại,

Luật Điều ước quốc tế,

Luật quản lý thuế,

Luật đất đai,

- Luật Nhà Ở...

# Nghị quyết của Quốc hội:

Nghị quyết của Quốc hội được ban hành để quyết định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương; điều chỉnh ngân sách nhà nước; phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; quy định chế độ làm việc của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội; phê chuẩn điều ước quốc tế và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

## 4.3.2. Văn bản dưới luật



*Định nghĩa:* Là văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (ngoại trừ QH) ban hành theo trình tự, thủ tục và hình thức được pháp luật quy định, có giá trị pháp lý thấp hơn văn bản luật, được ban hành trên cơ sở văn bản Luật và phải phù hợp với văn bản luật.

## Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định những vấn đề được Quốc hội giao, sau một thời gian thực hiện trình Quốc hội xem xét, quyết định ban hành luật.
2. Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội được ban hành để giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh; hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh, tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương và quyết định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội.



## Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước:

1. Lệnh do Chủ tịch nước ban hành để công bố Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của QH; Pháp lệnh và Nghị quyết của UBTWQH, ban bố tình trạng khẩn cấp, động viên hoặc tổng động viên trong những trường hợp cần thiết.
2. Quyết định do Chủ tịch nước ban hành để thực hiện thẩm quyền của mình được Hiến pháp quy định như quyết định phong hàm, cấp sĩ quan cấp cao trong lực lượng vũ trang nhân dân, phê chuẩn hoặc tham gia điều ước quốc tế, cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch,...

## Nghị định của Chính phủ:

Nghị định của Chính phủ được ban hành để quy định các vấn đề sau đây:

- Quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;
- Quy định các biện pháp cụ thể để thực hiện chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ;
- Quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ;
- Quy định những vấn đề cần thiết nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Việc ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

## Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:


Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành để quy định các vấn đề sau đây:

- Biện pháp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở; chế độ làm việc với các thành viên Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ;
- Biện pháp chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các thành viên Chính phủ; kiểm tra hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

## Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ:

Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành để quy định các vấn đề sau đây:

- Quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Quy định về quy trình, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành, lĩnh vực do mình phụ trách;
- Quy định biện pháp để thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực do mình phụ trách và những vấn đề khác do Chính phủ giao.



*Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:*

- Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được ban hành để hướng dẫn các Tòa án áp dụng thống nhất pháp luật.
- 

Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

- Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao được ban hành để thực hiện việc quản lý các Tòa án nhân dân địa phương và Tòa án quân sự về tổ chức; quy định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
- Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được ban hành để quy định các biện pháp bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân địa phương, Viện kiểm sát quân sự; quy định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

A decorative graphic on the left side of the slide features a light green balloon at the top, a light blue balloon in the middle, and a light purple balloon at the bottom. Yellow streamers and triangular shapes are scattered around the balloons.

## Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước

- Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước được ban hành để quy định, hướng dẫn các chuẩn mực kiểm toán nhà nước; quy định cụ thể quy trình kiểm toán, hồ sơ kiểm toán

## Văn bản quy phạm pháp luật liên tịch

1. Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội được ban hành để hướng dẫn thi hành những vấn đề khi pháp luật quy định về việc tổ chức chính trị - xã hội đó tham gia quản lý nhà nước.
2. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được ban hành để hướng dẫn việc áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động tố tụng và những vấn đề khác liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan đó.
3. Thông tư liên tịch giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành để hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ đó.



### **4.3.3. VBQPPL của HĐND và UBND**

*Khái niệm:* Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân là văn bản do HĐND và UBND ban hành theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004 quy định, trong đó có chứa đựng các quy tắc xử sự chung, có hiệu lực trong phạm vi địa phương, được Nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội ở địa phương theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

### ***4.3.3. VBQPPL của HĐND và UBND***

*Gồm các loại văn bản sau:*

- Nghị quyết của HĐND
- Quyết định, Chỉ thị của UBND

## 4.4 Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật

### *Hiệu lực theo thời gian*

Định nghĩa: Hiệu lực theo thời gian của VBQPPL là giá trị thi hành của VBQPPL trong thời hạn nhất định, nó được xác định từ thời điểm phát sinh cho đến khi chấm dứt sự tác động của VBQPPL đó.

# Thời điểm có hiệu lực và việc đăng Công báo

- Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật được quy định trong văn bản nhưng không sớm hơn **bốn mươi lăm** ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.
- Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp, văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, dịch bệnh thì có thể có hiệu lực kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành nhưng phải được đăng ngay trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi chung là Công báo) chậm nhất sau hai ngày làm việc, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.

# Ngưng hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật bị đình chỉ việc thi hành thì ngưng hiệu lực cho đến khi có quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định huỷ bỏ thì văn bản hết hiệu lực, nếu không huỷ bỏ thì văn bản tiếp tục có hiệu lực.
2. Thời điểm ngưng hiệu lực, tiếp tục có hiệu lực của văn bản hoặc hết hiệu lực của văn bản phải được quy định rõ tại quyết định đình chỉ việc thi hành, quyết định xử lý văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Quyết định đình chỉ việc thi hành, quyết định xử lý văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

# Những trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực.

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong các trường hợp sau đây:

1. Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản;
2. Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó;
3. Bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

# Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật

1. Chỉ trong những trường hợp thật cần thiết, văn bản quy phạm pháp luật mới được quy định hiệu lực trở về trước.
2. Không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây:
  - a) Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý;
  - b) Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn

# Hiệu lực về không gian và đối tượng áp dụng

- Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước trung ương có hiệu lực trong phạm vi cả nước và được áp dụng đối với mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp văn bản có quy định khác hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.





## *Hiệu lực theo không gian*

Định nghĩa: Giới hạn tác động theo không gian của VBQPPL được xác định theo lãnh thổ quốc gia, một vùng hay một địa phương nhất định. Một văn bản có hiệu lực trên một phạm vi lãnh thổ rộng hay hẹp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thẩm quyền của cơ quan ban hành, tính chất, mục đích và nội dung được thể hiện cụ thể trong văn bản đó.

A decorative graphic on the left side of the slide features a light green balloon at the top, a light blue balloon in the middle, and a light purple balloon at the bottom. Yellow streamers and triangular flags are scattered around the balloons. A light blue horizontal bar is positioned above the text.

## ***Hiệu lực theo đối tượng tác động:***

Đối tượng tác động của VBQPPL bao gồm cá nhân, các tổ chức và những mối quan hệ mà VBQPPL đó cần điều chỉnh.

# Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực.

Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp văn bản có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản được ban hành sau.

4. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra trước ngày văn bản có hiệu lực thì áp dụng văn bản mới.

# Thanks!

